NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VN

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ
Quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

I. Sự cần thiết phải ban hành Thông tư.

1. Chủ trương của Đảng về mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Trong đó:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD.

- Đến năm 2025, là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

Giai đoạn 2021 – 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỷ lệ đô thị hoá khoảng 45%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% (GDP).

2. Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế xã hội năm 2023

- Tại Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, mục tiêu tăng trưởng GDP giai đoạn 2021 – 2025 bình quân 6,5 - 7%/năm[1];

---

[1] *Điều 2 quy định: "1. Phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025: tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm, chỉ tiêu nợ công dưới mức cảnh báo Quốc hội cho phép tại Nghị quyết số 23/2021/QH15, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn trong trung hạn và dài hạn.*

2. Tiết giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền, bảo đảm tính chủ động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân.".

- Tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 – 2025; hỗ trợ dòng tiền, bảo đảm tính chủ động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân[2].

3. Nghị quyết của Chính phủ về chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế xã hội

3.1. Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023:

"Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp, nhanh chóng, khó đoán định. Cạnh tranh chiến lược các nước lớn, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại gay gắt hơn. Xung đột quân sự tại Ukraine còn có thể kéo dài. Hậu quả đại dịch Covid-19 trên toàn cầu còn phải khắc phục nhiều năm. Lạm phát tiếp tục ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất kéo dài tại nhiều quốc gia. Nguy cơ mất thanh khoản, rủi ro, bất ổn về tài chính, tiền tệ, nợ công, bất động sản, an ninh năng lượng, lương thực, thông tin trên toàn cầu gia tăng. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế. Trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam bị thu hẹp. Những tồn tại, hạn chế, bất cập từ nội tại nền kinh tế về cơ cấu kinh tế, năng lực sản xuất trong nước, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tích tụ từ lâu chưa được xử lý dứt điểm; quy mô nền kinh tế nước ta còn khiêm tốn nhưng độ mở lại lớn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế; những yếu tố đột xuất, bất ngờ vẫn tiềm ẩn rủi ro, khó dự báo; dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn.".

3.2. Nghị quyết 31/NQ-CP ngày 07/3/2023 Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2023.

"Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phục hồi và triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu; ở trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức do chịu tác động kép cả từ các yếu tố bên ngoài và những hạn chế".

---

[2] *Điều 2: "Phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025: tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm"; "Tiết giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền, bảo đảm tính chủ động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân".*

Điểm b khoản 2 Điều 3: "Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, thị trường tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng"

"Thời gian tới, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, rủi ro gia tăng; cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột Nga - Ucraina tiếp tục kéo dài... Ở trong nước, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn; tăng trưởng kinh tế Quý I đối mặt với thách thức lớn; áp lực thanh khoản của thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp tăng cao, rủi ro đối với nền kinh tế gia tăng; trong khi dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến bất thường...".

3.3. Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ về hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 3 năm 2023, Chính phủ thống nhất chủ trương với kiến nghị của NHNN tại Tờ trình số 39/TTr-NHNN và Tờ trình số 40/TTr-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2023. Theo đó, Chính phủ thống nhất chủ trương ban hành Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay.

4.1. Tình hình kinh tế 03 tháng đầu năm 2023

Theo báo cáo của Tổng Cục thống kê, kinh tế – xã hội, ba tháng đầu năm 2023 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn. Lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn. Một số dấu hiệu cho thấy nền kinh tế trong nước hiện đang gặp nhiều khó khăn:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2023 ước tính tăng 3,32% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 3,21% của quý I năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023.

- Sản xuất một số ngành công nghiệp chủ lực suy giảm khiến cho giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp quý I năm 2023 giảm 0,82% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,37%.

- Trong tháng Ba, cả nước có 14,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 145,7 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký 92,6 nghìn lao động, tăng 60,9% về số doanh nghiệp, tăng 122,2% về vốn đăng ký và tăng 81,4% về số lao động so với tháng 02/2023. So với cùng kỳ năm trước, giảm 0,6% về số doanh nghiệp, giảm 24,8% về số vốn đăng ký và giảm 1,2% về số lao động.

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn đã ảnh hưởng đến kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng Ba ước đạt 58,49 tỷ USD, tăng 18,6% so với tháng trước và giảm 13% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 154,27 tỷ USD, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 11,9%; nhập khẩu giảm 14,7%.

- Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 1,61% (cùng thời điểm năm 2022 tăng 4,03%).

4.2. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và đầu tư về một số khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp đầu năm 2023.

Theo phản ánh của các hiệp hội doanh nghiệp, trong quý I năm 2023, khu vực doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn thách thức, tập trung vào 05 nhóm vấn đề sau:

(i) Thị trường, đơn hàng, đơn giá đặc biệt thị trường xuất khẩu tiếp tục sụt giảm.

Nhiều doanh nghiệp thuộc các ngành hàng đã phải cắt giảm quy mô sản xuất, cho người lao động thôi việc, nghỉ việc luân phiên.

Các doanh nghiệp nhận định khó khăn dự kiến kéo dài hết quý II năm 2023.

(ii) Chi phí đầu vào, nguyên vật liệu vẫn ở mức cao. Đặc biệt trong bối cảnh trên 90% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam là nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, áp lực lạm phát, giá nhiên liệu thế giới tạo sức ép lên tỉ giá và mặt bằng giá sản xuất trong nước3. Lãi suất tiền gửi và lãi suất vay trong hệ thống ngân hàng tăng cũng làm chi phí vốn sản xuất của nhiều doanh nghiệp Việt Nam tăng theo, làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

(iii) Doanh nghiệp khó khăn về dòng tiền, bao gồm vốn lưu động và vốn đầu tư trung, dài hạn, nguyên nhân do dòng tiền vào giảm sút (thị trường đầu ra, đơn hàng, doanh thu của doanh nghiệp giảm, trong khi đó các kênh huy động vốn bị khó khăn (lãi suất cao, thị trường trái phiếu, cổ phiếu sụt giảm mạnh...).

(iv) Áp lực từ yêu cầu của thị trường và đối tác về phát triển bền vững ngày càng gia tăng. Các đối tác, doanh nghiệp đầu chuỗi, nhà đầu tư nước ngoài và một số thị trường các nước phát triển đang đặt ra yêu cầu ngày càng cao về tính tuân thủ các quy định pháp lý về phát triển vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh[4].

(v) Một số thủ tục hành chính, quy định pháp lý chưa thống nhất, chưa rõ ràng, thiếu tính khả thi và thực tiễn mà cộng đồng doanh nghiệp đã kiến nghị từ lâu nhưng vẫn chưa được giải quyết thấu đáo.

5. Đánh giá tổng kết về việc thực hiện cơ cấu nợ, miễn, giảm lãi giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Thực hiện chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN (và các Thông tư sửa đổi bổ sung) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư 01/2020/TT-NHNN cho thấy đây là chính sách phù hợp, có hiệu quả đã góp phần hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch

---

[3] giá nguyên vật liệu của ngành đồ uống tăng 15% so với trước đây, dẫn đến giá thành cao, giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

[4] Các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam đang đề xuất áp dụng Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), với thời hạn áp dụng dự kiến là năm 2024 tại Mỹ và năm 2026 tại EU.

Covid-19, tao điều kiện cho khách hàng phục hồi tiếp tục tục hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.1. Kết quả cơ cấu nợ, miễn, giảm lãi giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN của NHNN:

- Đến cuối tháng 6/2022 (*thời điểm kết thúc chính sách*), các TCTD đã thực hiện: *(i)* Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ với giá trị nợ lũy kế là 722.334 tỷ đồng với 1.090.725 khách hàng; *(ii)* Miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ với giá trị nợ lũy kế là 92.425 tỷ đồng với 561.989 khách hàng.

- Đến cuối tháng 02/2023: *(i)* Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ còn 84.381 tỷ đồng; *(ii)* Dư nợ được miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ còn 9.946 tỷ đồng.

5.2. Đánh giá kết quả thực hiện Thông tư 01/2020/TT-NHNN

Nhìn chung Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 đã tạo khung khổ pháp lý để các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi phí, giữ nguyên nhóm nợ, tháo gỡ khó khăn cho các khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 ở tất cả các lĩnh vực, ngành nghề, giúp khách hàng được cơ cấu lại nợ phù hợp với dòng tiền mà không bị chuyển sang nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn; khuyến khích TCTD cho vay mới để khách hàng duy trì, phục hồi sản xuất kinh doanh, từng bước vượt qua khó khăn, thực hiện trả nợ đúng hạn cho TCTD theo thời hạn cơ cấu lại.

6. Sự cần thiết phải ban hành Thông tư về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời điểm hiện nay.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng về mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đất nước giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế xã hội năm 2023, các Nghị quyết, chỉ đạo điều hành của Chính phủ về giải pháp thực hiện phát triển kinh tế xã hội năm 2023, tình hình khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh 03 tháng đầu năm 2023, kết quả tổng kết tình hình thực hiện Thông tư 01/2020/TT-NHNN như đã nêu trên, việc nghiên cứu, xây dựng ban hành Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh là phù hợp và cần thiết trong bối cảnh hiện nay, nhằm hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cho khách hàng; hỗ trợ giúp khách hàng có thời gian cơ cấu nguồn tài chính, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh, thu xếp nguồn trả nợ vốn vay, góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

II. Căn cứ xây dựng ban hành Thông tư

1. Căn cứ pháp lý.

Quy định của Luật Các TCTD:

- Khoản 2 Điều 95 Luật các TCTD quy định: "*Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.*".

- Khoản 2 Điều 131 Luật các TCTD quy định: "*Việc phân loại tài sản có,*

mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.".

2. Chủ trương của Chính phủ.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ về hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 3 năm 2023, Chính phủ thống nhất chủ trương với kiến nghị của NHNN tại Tờ trình số 39/TTr-NHNN và Tờ trình số 40/TTr-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2023. Theo đó, Chính phủ thống nhất chủ trương ban hành Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc ban hành được thực hiện theo trình tự rút gọn theo quy định.

3. Căn cứ quy định và chủ trương nêu trên, việc nghiên cứu xây dựng, ban hành Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh là phù hợp theo quy định pháp luật.

III. Đánh giá tác động chính sách.

1. Về tác động tích cực của chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ

- Diễn biến, tình hình kinh tế thế giới và trong nước thời gian qua cho thấy các yếu tố rủi ro, bất định đã, đang và sẽ tiếp tục tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, ảnh hưởng tới khả năng trả nợ ngân hàng, nguy cơ nợ xấu gia tăng, ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của cả ngân hàng và doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, việc triển khai một chính sách tháo gỡ khó khăn về dòng tiền thông qua cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ tương tự như đã triển khai trong giai đoạn dịch Covid-19 là giải pháp tình thế cần thiết.

- Thông qua chính sách này, các doanh nghiệp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, chưa có khả năng trả nợ TCTD đúng thời hạn đã thỏa thuận, có thể được kéo dài thời gian trả nợ mà không phải chuyển nhóm nợ xấu; nhờ việc được duy trì, giữ nguyên nhóm nợ, doanh nghiệp có điều kiện tiếp tục vay vốn phục hồi, duy trì sản xuất kinh doanh, vượt qua giai đoạn khó khăn để trả nợ ngân hàng, tạo công ăn việc làm, cũng như tiếp tục đóng góp cho ngân sách nhà nước.

- Chính sách được thực hiện từ nguồn lực của chính TCTD, không sử dụng nguồn chi từ ngân sách nhà nước nên không ảnh hưởng tới cân đối ngân sách cũng như không tác động tới sự phối hợp giữa chính sách tài khóa và tiền tệ;

- Quá trình thiết kế chính sách được cân nhắc, tính toán kỹ để bảo đảm TCTD thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ (trích lập 100% như trường hợp chuyển nhóm nợ sau khi cơ cấu), tạo bộ đệm tài chính xử lý khi phát sinh rủi ro.

2. Về tác động tiêu cực của chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ

- Do không bị chuyển nợ xấu, khách hàng có điều kiện để tiếp cận nguồn vốn tín dụng. Vì vậy, sẽ mở rộng quy mô dư nợ cấp tín dụng và làm gia tăng mức độ rủi ro tín dụng tập trung vào các khách hàng có mức độ rủi ro cao và tăng nguy cơ phát sinh nợ xấu.

- Theo khuyến nghị, cảnh báo của IMF (tại điểm 29 Báo cáo Đoàn Điều IV năm 2022): Việc quy định các ngoại lệ trong tiêu chuẩn phân loại khoản vay (giữ nguyên nhóm nợ) và các quy tắc trích lập dự phòng tiếp tục làm chậm trễ trong việc nhận diện các tài sản có vấn đề và có thể làm trầm trọng thêm tình trạng phân bổ tín dụng không phù hợp và chấp nhận rủi ro quá mức; Có thể gây ra đánh giá bất lợi của các tổ chức quốc tế (ví dụ như xếp hạng tín nhiệm...) đối với chất lượng tài sản có của hệ thống TCTD Việt Nam.

Mặc dù có những tác động tiêu cực nhất định như đã nêu trên trong việc thực hiện chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ chỉ được thực hiện trong thời gian ngắn (hết 31/12/2023); đồng thời các TCTD sẽ phải thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo lộ trình như trong trường hợp phải chuyển nhóm nợ. Do vậy, việc thực hiện chính sách này vẫn đảm bảo an toàn trong hoạt động của hệ thống TCTD, đồng thời giúp khách hàng có thời gian để tháo gỡ khó khăn, sắp xếp, điều chỉnh kế hoạch SXKD cho phù hợp và có thời gian thu xếp nguồn tiền trả nợ TCTD. Do đó, việc thực hiện chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ là phù hợp trong điều kiện thực tế hiện nay.

IV. Về dự thảo Thông tư

Trên cơ sở đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (đã sửa đổi, bổ sung) về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 cho thấy quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN về tổng thể chung là phù hợp và khả thi trong thực tiễn triển khai. Do vậy, có thể nghiên cứu kế thừa quy định của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) để xây dựng dự thảo Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ nói chung đã được quy định tại Điều 19 Thông tư 39/2016/TT-NHNN. Theo đó, Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định giao TCTD xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

Tại Dự thảo Thông tư này, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được xây dựng trên quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN, đồng thời có quy định thêm các điều kiện khác để giới hạn phạm vi các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo mục tiêu chính sách đề ra là hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dự thảo Thông tư quy định TCTD phải trích lập dự phòng đầy đủ theo lộ trình như đối với trường hợp không được giữ nguyên nhóm nợ; TCTD không hạch lãi dự thu đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ

nguyên nhóm nợ mà theo dõi ngoại bảng khi thu hồi được mới hạch toán thu nhập (quy định tại Thông tư 16/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính).

Việc quy định TCTD xem xét, đánh giá cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ; Khách hàng phải trả được nợ đầy đủ theo theo thời hạn cơ cấu lại; TCTD phải trích lập DPRR đầy đủ theo lộ trình như trong trường hợp không được giữ nguyên nhóm nợ, đã đảm bảo hài hòa quyền và lợi ích các bên, lợi ích của TCTD và khách hàng là song hành, cụ thể:

Khách hàng: Khách hàng được TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ sẽ có khả năng trả nợ cho TCTD sau khi được cơ cấu nợ, có cơ hội tiếp cận nguồn vốn để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng sản xuất, gia tăng lợi nhuận cho khách hàng trong tương lai.

TCTD: TCTD sẽ thu được nợ, có được lợi nhuận để phát triển hoạt động kinh doanh; không phải thực hiện các biện pháp xử lý để thu hồi nợ rất tốn kém và mất thời gian. TCTD có khách hàng tốt để tiếp tục cấp tín dụng và cung cấp các dịch vụ ngân hàng khác tạo thêm nguồn thu nhập tương lai cho chính ngân hàng.

Dự thảo Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh có 10 Điều (Trong đó: 03 Điều quy định chung; 05 Điều quy định cụ thể; 02 Điều về điều khoản thi hành), cụ thể:

1. Điều 1 dự thảo: Về phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Nội dung điều này được kế thừa và chỉnh sửa trên cơ sở quy định của Điều 1 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung)

2. Điều 2 dự thảo: Về đối tượng áp dụng

- Đối tượng áp dụng bao gồm: Tổ chức tín dụng (không bao gồm ngân hàng chính sách), chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ khách hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài); Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Nội dung điều này được kế thừa và chỉnh sửa trên cơ sở quy định của Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung)

3. Điều 3 dự thảo: Về áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan.

Nội dung điều này được kế thừa trên cơ sở quy định của Điều 3 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung)

4. Điều 4 dự thảo: Quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Nội dung điều này được kế thừa và chỉnh sửa trên cơ sở quy định của khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung). Trong đó:

- Khoản 1 Điều 4 dự thảo (kế thừa và chỉnh sửa khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN): *Khoản nợ phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh.*

- Khoản 2 Điều 4 dự thảo (kế thừa và chỉnh sửa khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN): *Khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.*

- Khoản 3 Điều 4 dự thảo (kế thừa và chỉnh sửa khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN): *Được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng.*

Lý do quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo:

+ Điều 19 Thông tư 39/2016/TT-NHNN đã quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Theo đó, Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định giao TCTD xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

Trên cơ sở quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN và kế thừa quy định Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Điều 4 dự thảo Thông tư này quy định giao TCTD xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng (*như quy định tại Thông tư 39*). Đồng thời quy định thêm một số khoản khác để giới hạn các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư này, đảm bảo đúng mục tiêu là tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với đề xuất của NHNN đã báo cáo Chính phủ tại Tờ trình 40/TTr-NHNN ngày 02/4/2023. Trong đó, khoản 3 Điều 4 dự thảo (kế thừa và chỉnh sửa khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN) quy định: *Được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng.*

+ Nguyên nhân phát sinh khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh rất đa dạng trong thực tế. Do vậy, không thể quy định được đầy đủ các nguyên nhân phát sinh khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại dự thảo Thông tư này. Trường hợp nếu có quy định về nguyên nhân phát sinh khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ không đảm bảo tính đầy đủ trong thực tế nên sẽ phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, làm giảm hiệu quả của chính sách.

Trong quá trình thực hiện, quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2020/TT-NHNN được TCTD đánh giá là phù hợp, không phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Do vậy, việc kế thừa quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2020/TT-NHNN để quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Thông tư này là phù hợp với thực tiễn.

+ Dự thảo Thông tư quy định cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho khách hàng, tạo điều kiện cho khách hàng có thể tiếp tục tiếp cận nguồn vốn tín dụng (do không bị chuyển nhóm nợ xấu). Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn trong hoạt động cho TCTD, Điều 6 dự thảo Thông tư quy định, TCTD phải thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ như trong trường hợp TCTD thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và phải chuyển nhóm nợ.

Mặt khác, lãi phải thu của các khoản nợ này TCTD không hạch toán lãi dự thu mà theo dõi ngoại bảng, khi thu được với được hạch toán thu nhập (*quy định tại Điều 5 dự thảo Thông tư*). Do vậy, việc TCTD lợi dụng chính sách quy định tại Thông tư này để trục lợi là khó có khả năng phát sinh.

+ Việc giao TCTD xem xét, đánh giá cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với thực tế khó khăn của khách hàng, đảm bảo khách hàng có khả năng trả nợ cho TCTD sau khi được cơ cấu nợ sẽ là phù hợp với quy định pháp luật về quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và đảm bảo nguyên tắc lợi ích hài hòa của TCTD và khách hàng, đó là: (i) TCTD thu được nợ, TCTD có khách hàng tốt để tiếp tục cấp tín dụng và các dịch vụ ngân hàng khác tạo nguồn thu nhập tương lai cho chính ngân hàng; (ii) Khách hàng trả được nợ tại các TCTD và tiếp tục hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, gia tăng lợi nhuận cho khách hàng.

- Khoản 4 Điều 4 dự thảo (kế thừa và chỉnh sửa khoản 5 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN): *Khách hàng được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại.*

- Khoản 5 Điều 4 dự thảo (kế thừa và chỉnh sửa khoản 6 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN): *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật.*

- Khoản 6 Điều 4 dự thảo (kế thừa và chỉnh sửa khoản 7 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN; Thời hạn 12 tháng theo đề nghị của NHNN tại Tờ trình số 40/TTr-NHNN ngày 02/4/2023): *Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) được xác định phù hợp với mức độ khó khăn trong sản xuất kinh doanh của khách hàng và không vượt quá 12 tháng kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.*

- Khoản 7 Điều 4 dự thảo (kế thừa và chỉnh sửa khoản 8 Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN): *Việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng theo quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.*

5. Điều 5 dự thảo: Quy định về giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ

Nội dung điều này được kế thừa trên cơ sở quy định của Điều 6 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).

Trong đó, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không tính lãi dự thu đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ mà thực hiện theo dõi ngoại bảng khi thu được mới hạch toán thu nhập (theo quy định tại Thông tư 16/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính).

6. Điều 6 dự thảo: Trích lập dự phòng rủi ro

6.1. Nội dung điều này được kế thừa trên cơ sở quy định của Điều 6a Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).

6.2. Để thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, TCTD kiến nghị được trích lập dự phòng trong 03 năm (đến hết 2025) tương tự như đã thực hiện tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN (đã sửa đổi bổ sung).

Để việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh được thuận lợi và đảm bảo hài hòa quyền lợi của TCTD và khách hàng, dự thảo đề xuất 02 phương án thực hiện trích lập dự phòng để xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, cụ thể:

Phương án 1:

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định và thực hiện trích lập dự phòng đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Phương án 2:

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định số tiền phải trích lập dự phòng đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập dự phòng như sau:

a) Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng phải trích lập quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đến thời điểm 31/12/2024: Đủ 100% số tiền dự phòng phải trích lập quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Điều 7 dự thảo: Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Nội dung điều này được kế thừa trên cơ sở quy định của Điều 7 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).

Đồng thời bổ sung thêm 02 khoản:

- Khoản 3 quy định, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi quy định nội bộ cho NHNN để phục vụ công tác thanh tra, giám sát.

- Khoản 8 quy định, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hướng dẫn triển khai thống nhất trong hệ thống tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

8. Điều 8 dự thảo: Trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN:

Nội dung điều này được kế thừa trên cơ sở quy định của Điều 8 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).

Trong đó, không áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN tại dự thảo Thông tư này do Thông tư này không quy định về hồi tố thời gian thực hiện cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Vì vậy, việc giữ quy định khoản 4 Điều 8 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN sẽ không còn phù hợp.

9. Điều 9 dự thảo: Hiệu lực thi hành

Dự thảo Thông tư dự kiến ban hành trong tháng 4/2023. Dự thảo Thông tư sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

10. Điều 10 dự thảo: Tổ chức thực hiện.

11. Phụ lục:

Để có cơ sở đánh giá tính hiệu quả của chính sách, trên cơ sở ý kiến của Kiểm toán Nhà nước, kế thưa quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, dự thảo Thông tư này có bổ sung thêm phụ lục 02 để thống kê số lượng khách hàng có đề nghị được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ và số khách hàng không được áp dụng chính sách này

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM